

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2017

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lê Biên

2. Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định: Bà Trương Thị Minh Thủy- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 20/9/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2017/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H; sinh năm 1988; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm L, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định; hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan;

Người đại diện theo uỷ quyền của chị H về phần con chung: Chị Trần Thị Mai H1 (chị gái của chị H); sinh năm 1986; địa chỉ: Đường B, phường L thành phố N.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn L; sinh năm 1984; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm L, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định; hiện đang ở Đài Loan

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Viết T (bố anh L)

Địa chỉ: Xóm L, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa có mặt chị H1, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; vắng mặt anh L (không có lý do), ông T từ chối tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/6/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Văn Văn L đăng ký kết hôn vào ngày 07/8/2006, do tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân 7 năm nay, cắt đứt mọi quan hệ, không liên lạc với nhau nữa. Vì vậy, chị

H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau đ- ọc nữa và xin đ- ọc ly hôn;

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Vũ Thanh P, sinh ngày 02/01/2007, hiện đang sống với ông nội là Vũ văn T, ly hôn chị nhường quyền nuôi con cho anh Văn Văn L và tự nguyện cấp d- ỡng 1.000.000đ/tháng;

Về tài sản: Hiện vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ tài sản gì. Chị cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, mà tự nguyện để lại cho anh L và cháu Vũ Thanh P sở hữu.

Tòa án đã 2 lần thông báo nghĩa vụ cung cấp địa chỉ cho gia đình anh L, không có kết quả, sau đó đã tiến hành gửi giấy triệu tập anh L thông qua ông Vũ Viết T (là bố đẻ anh L) và gia đình anh L, đồng thời làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại Ủy ban nhân dân xã M và trụ sở Tòa án, nhưng anh L không trả lời. Khi làm việc với Tòa án, ông Vũ Viết T là bố anh L và chị Vũ Thị K (là chị gái của anh L) trình bày: Anh L vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với gia đình, nên gia đình đã thông báo cho anh L biết về việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị H và gửi giấy triệu tập anh L đến Tòa làm việc thông qua gia đình. Sở dĩ gia đình không cung cấp địa chỉ của anh L cho Tòa án được, vì anh L không nói địa chỉ cụ thể cho gia đình biết. Anh L đi giáo không muốn ký đơn và ghi bất kỳ cái gì sẽ vi phạm luật công giáo. Quan điểm của anh L là việc chị H xin ly hôn anh L không có ý kiến gì, tùy chị H giải quyết. Vì trên thực tế vợ chồng đã ly thân 7-8 năm nay, chị H không quan tâm đến con chung. Về cấp dưỡng nuôi con anh L cũng không yêu cầu mà tùy ở chị H. Ông T và gia đình anh L có quan điểm: Việc chị H xin ly hôn anh L gia đình nhận trách nhiệm thông báo cho anh L biết lịch làm việc và xét xử của Tòa, nhưng không tham gia tố tụng, không tham gia phiên tòa và không có ý kiến gì, vì gia đình đi giáo không khuyến khích việc ly hôn. Về con chung của anh L, chị H: Anh L và gia đình đồng ý với tự nguyện của chị H nhường quyền nuôi con cho anh L vì cháu P cũng có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn, cháu được ở với bố. Từ trước đến nay cháu P ở với ông nội và các bác được chăm lo ăn học đầy đủ. Gia đình nhận trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng cháu P cho đến khi anh L về nước. Nếu chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000đ/tháng thì đề nghị ông bà ngoại cháu chuyển T đến nhà cho gia đình ông.

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên quan điểm của chị H về việc nhường quyền nuôi con cho anh L và tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định có quan điểm: Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Người tham gia tố tụng, phía chị H đã thực hiện đúng. Còn anh L đã biết về việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị H, nhưng anh L không cung cấp địa chỉ, không chấp hành theo giấy triệu tập, cũng không có lời khai gửi về Tòa án, là cố tình dấu địa chỉ, từ chối khai báo, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng. Việc Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh L là đúng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, giao cháu P cho anh L nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị H về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Có đủ căn cứ xác định anh L đã biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị H nhưng cố tình dấu địa chỉ, từ chối khai báo. Bởi vì, khi làm việc với Tòa án ông T và gia đình anh L đã nhận trách nhiệm chuyển giấy tờ tài liệu cho anh L, đồng thời thừa nhận anh L đã được gia đình thông báo về việc Tòa án đã thụ lý đơn xin ly hôn của chị H, anh L vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với gia đình. Tòa án cũng đã làm đầy đủ các thủ tục thông báo cho gia đình, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nên có đủ điều kiện xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 517/NCPL ngày 09/10/1993 của Tòa án nhân dân tối cao và điểm b tiểu mục 2.1. mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết ly hôn với một bên đương sự đang ở nước ngoài.

Về nội dung: Chị H và anh L kết hôn do tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, đã sống ly thân từ lâu. Xét điều kiện, vợ chồng anh chị đã mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm đến nhau. Từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình, đặc biệt cả hai bên không còn thiện chí thực hiện nghĩa vụ sống chung với nhau theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 19 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về “Tình nghĩa vợ chồng”. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, nhưng anh L không trả lời, chứng tỏ anh L đã có ý thức bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm gia đình với chị H. Chị H đã xác định anh chị không còn khả năng đoàn tụ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Xét điều kiện cháu P hiện đang sống cùng với ông nội và các bác là anh chị em của anh L được chăm lo chu đáo. Để ổn định cuộc sống và vì quyền lợi của cháu P, cần giao cho anh L có trách nhiệm nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết

Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123, khoản 1, 2 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 16 Điều 70, khoản 4 Điều 147, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 517/NCPL ngày 09/10/1993 của Tòa án nhân dân tối cao và điểm b tiểu mục 2.1. mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết ly hôn với một bên đương sự

đang ở nước ngoài; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H với anh Vũ Văn L;

2. Giao cháu Vũ Thanh P cho anh Văn Văn L có trách nhiệm nuôi dưỡng đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành có khả năng lao động tự lập được;

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Viết T nhận trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng cháu P trong thời gian anh L chưa về nước;

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L 1.000.000đ/tháng, tính từ ngày 20/9/2017. Chị H có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này. Nhưng chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con;

3. □n phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng. Đ- ợc đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp tại biên lai số 0000031 ngày 11 tháng 7 năm 2017 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Chị H còn phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị H đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt cho ông Vũ Viết T và thực hiện việc niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN (01 bản);
- VKSND tỉnh, VKSNDCC (02 bản);
- Cục thi hành án tỉnh Nam Định (01 bản);
- Đ- ợng sự (03 bản);
- UBND xã M (01 bản);
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u Tòa dân sự.

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

